

Nậm Kè, ngày tháng 12 năm 2025

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Nậm Kè

Địa chỉ: Bản Phiêng Vai, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0966.266.584; Email: mamnonnamke@gmail.com

2. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

Tạo được môi trường học tập thân thiện, có phòng học thoáng mát, rộng rãi, có nhiều đồ dùng, đồ chơi để mỗi học sinh đều có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, phát triển tính tích cực chủ động, sáng tạo, phát triển hết tài năng của mình.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

ST
T

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Nậm Kè được thành lập từ năm 2007.

Trường có 13 điểm trường (1 Trung tâm và 12 điểm bản). Nhà trường có tổng số 31 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trẻ trong trường có nhiều dân tộc cùng sinh sống (Kinh, Thái, H'mông, Tày, Cống, Dao). Sau 17 năm thực hiện nhiệm vụ với nhiều khó khăn về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ nhưng nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo của Phòng văn hóa xã hội xã Nậm Kè, của Đảng chính quyền xã và sự ủng hộ của các bậc phụ huynh giúp đỡ nhà trường từng bước phát triển hoàn thành nhiệm vụ. Đến nay nhà trường duy trì ổn định các hoạt động, trường được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2018

Tập thể nhà trường đạt danh hiệu LĐTT, UBND huyện Mường Nhé tặng thưởng giấy khen theo Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 Về việc khen thưởng cho các tập thể và cá nhân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm học 2024-2025

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ xã Nậm Kè xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non nậm Kè luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

5. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Như Quỳnh

Chức vụ: Hiệu phó

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nậm Kè, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0966.266.584

Email: quynhnamke84@gmail.com:

6. Tổ chức bộ máy

Quyết định số 706 /QĐ-UBND ngày 6/ 6/2007 của Ủy Ban nhân dân huyện Mường Nhé v/v thành lập trường Mầm non Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Danh sách thành viên hội đồng trường

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn T. Như Quỳnh	Phó hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Vì Thị Thuông	Tổ trưởng MGD	Thành viên – PCT
3	Vì Thị Hiệp	Tổ trưởng MGD	Thư ký
4	Lê Thị Duyên	Tổ trưởng MGG	Thành viên
5	Vàng Thị Viễn	Tổ phó MGD	Thành viên
6	Quàng Thị Oanh	Tổ phó MGD	Thành viên
7	Đào Thị Viễn	Tổ phó MGG	Thành viên
8	Lò Thị Thắm	Tổ phó MGG	Thành viên
9	Lê Thị Chinh	P.Bí thư ĐTN	Thành viên
10	Lùng Thị Hằng	TP văn hóa – xã hội	Thành viên
11	Đặng Văn Nét	Hội trưởng phụ huynh	Thành viên

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé Về việc bổ nhiệm lại viên chức.

***Cơ chế hoạt động của trường Mầm non Nậm Kè**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

***Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 24

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, CBQL, nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43			23	18	1	1	3	17	12
I	Giáo viên	38			20	18			0	17	11
1	Nhà trẻ	2			2					2	
2	Mẫu giáo	38				8			0	14	11
II	Cán bộ quản lý										
1	Hiệu trưởng										
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1
III	Nhân viên										
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán										
3	Thủ quỹ	1			1						
4	Nhân viên y tế	1					1				
5	Nhân viên khác	1						1			

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Ghi chú
1	CBQL				
	Số lượng	2	1	1	
	Tỷ lệ	100	100	100	
2	Giáo viên				
	Số lượng	28	28	38	
	Tỷ lệ	100	100	100	

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Nội dung	Năm học 2024-2025		
	Tổng số	Kết quả Đạt	Tỉ lệ (%)
VCQL	1	1	100
Giáo viên	28	28	100
Nhân viên	4	4	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định

Trường có tổng diện tích đất toàn trường 9,368,7m² (trung tâm có diện tích là 1,912,7 m², 12 điểm trường lẻ thuộc các bản: Huổi Hẹt diện tích sử dụng: 880 m², Nậm Kè diện tích sử dụng: 642 m², huổi Thanh 2 diện tích sử dụng: 530m², Ngã ba Huổi Khon 2 tích sử dụng: 300m², Huổi Hóc diện tích sử dụng: 1,702,0m², Chuyên gia 1 diện tích sử dụng: 450m², Chuyên gia 2 diện tích sử dụng: 530 m², Huổi Khon 2 diện tích sử dụng: 460m², Huổi Khon 1 diện tích sử dụng: 410m², Huổi đá diện tích sử dụng: 577 m², Huổi Thanh 1 cụm 1 diện tích sử dụng: 425 m², Huổi Thanh 1 cụm 2 diện tích sử dụng: 550 m²; Các công trình của nhà trường đều được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, lắp ghép.

2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

Tổng số phòng học: 19, Trong đó: Kiên cố 14, bán kiên cố 04 phòng, 01 phòng lắp ghép.

Các phòng chức năng: 01 Phòng GDNT, 01 văn phòng, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán, phòng y tế, 01 phòng nhân viên.

Trung tâm và 12 điểm trường đều có sân chơi, có đồ chơi ngoài trời cho trẻ hoạt động vui chơi.

Nhà trường có 13 bếp ăn trong đó bán kiên cố 2 bếp và 11 bếp là tạm.

Trung tâm và 12 điểm trường có công trình vệ sinh trong đó kiên cố có 7 nhà vệ sinh, bán kiên cố 3 nhà vệ sinh và tạm là 6 nhà vệ sinh.

Có 13 công trình nước sạch hợp vệ sinh;

3. Số lượng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

5/5 nhóm, lớp có đủ đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

4. Số lượng thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; đối sánh với yêu cầu theo quy định

Trung tâm và các điểm trường đều có đồ chơi ngoài trời từ 3 loại trở lên

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở, kế hoạch cải thiện chất lượng sau tự đánh giá.

Tổng Mầm non Năm Kế tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng GD

Tường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục 2023 theo QĐ số 1448/QĐ-SGD&ĐT ngày 28/12/2023 về việc công nhận các cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

QĐ số 2197/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên và công nhận các trường MN Năm Kế đạt chuẩn Quốc gia.

Sau kiểm tra, nhà trường đã kế hoạch và kết quả thực hiện cải thiện chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

SST	Nội dung	Năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Tổng số lớp	10	
2	Tổng số trẻ	481	
3	Số trẻ bình quân nhóm lớp	28,3	
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	481	
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	481	
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	481	
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	147	
8	Số trẻ khuyết tật	4	

* Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường thường xuyên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ như việc huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, công tác tổ chức bán trú cho trẻ, tổ chức các hội thi cấp trường và tham gia hội thi cấp huyện, các hoạt động trải nghiệm, tổ chức chuyên đề đảm bảo đúng kế hoạch đề ra...

Tăng cường, phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật đến toàn thể VCQLGVNV và học sinh theo từng thời điểm cụ thể trong các cuộc họp với nhà trường.

2. Chất lượng chăm sóc, giáo dục

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	- Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Kết quả về chiều cao: *Nhà trẻ: BT: 18/20 đạt 90% Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 2/20 cháu chiếm 10% Kết quả về cân nặng; Nhà trẻ: BT: 16/20 đạt 80% Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 2/20 cháu chiếm 20% Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân mức độ nặng: 2/20 cháu chiếm 20%	Kết quả về chiều cao: *Mẫu giáo BT: 426/461 cháu đạt 92,4% Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 28/461 cháu chiếm 6.07% Suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng: 7/461 cháu chiếm 1.53% Kết quả về cân nặng: * Mẫu giáo BT: 445/461 cháu đạt 96.5% Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 14/461 cháu chiếm 3.03% Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân mức độ nặng: 2/461 cháu chiếm 0,47% *Tổng số trẻ có chiều cao/cân nặng bình thường trẻ 333/333 đạt 100%. *BMI bình thường 148/148 trẻ, đạt 100%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục Mầm non theo thông tư 51	Chương trình giáo dục Mầm non theo thông tư 51
III	Đánh giá trẻ theo các mục tiêu phát triển cuối độ tuổi, cuối năm học theo chương trình Giáo dục Mầm non		
IV	Các hoạt động hỗ trợ	Chương trình chăm sóc	Chương trình chăm sóc

chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	giáo dục phù hợp với lứa tuổi, cơ sở vật chất đủ đảm bảo yêu cầu quy định	giáo dục phù hợp với từng độ tuổi, cơ sở vật chất đủ đảm bảo yêu cầu quy định
--	---	---

3. Kết quả thực hiện phổ cập giáo

Trường duy trì và giữ vững chuẩn PCGDMNT 5 tuổi. Từng bước nâng cao các tiêu chí chuẩn chất lượng giáo dục: Huy động 148/148 trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, duy trì tốt số lượng học sinh 5 tuổi đạt 100%; có đủ phòng học, đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho trẻ MG 5 tuổi, chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi đạt 100% qua đánh giá cuối năm học.

4. Trẻ khuyết tật: có 04 trẻ khuyết tật học hòa nhập.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024. (số liệu quyết toán)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	KP giao	KP quyết toán	Dư dự toán
I	Các khoản thu. NSNN giao	9.496.920.570	9.324.739.853	172.180.717
1	Nguồn NS chi thường xuyên (13)	7.755.436.070	7.585.395.353	170.040.717
2	Nguồn không thường xuyên (12)	1.626.575.500	1.624.435.500	2.140.000
3	Nguồn không thường xuyên (15)	5.616.000	5.616.000	
4	Nguồn không thường xuyên (18)	107.153.000	107.153.000	
5				
II	Các khoản chi	9.496.920.570	9.324.739.853	172.180.717
	Nguồn KP tự chủ	7.755.436.070	7.585.395.353	170.040.717
1	Tiền lương, các khoản phụ cấp		6.146.249.617	
2	Tiền công trả cho LĐ hợp đồng		105.182.424	
3	Các khoản đóng góp		507.405.179	

4	Phúc lợi tập thể		28.713.000	
5	Các khoản TT khác cho cá nhân (TC ban đầu, chuyển vùng)		149.369.040	
6	TT dịch vụ công cộng (điện, nước, khoán phương tiện đi công tác)		20.199.919	
7	Vật tư văn phòng		69.047.677	
8	Thông tin, tuyên truyền liên lạc		17.467.000	
9	Công tác phí		125.116.000	
10	Sửa chữa, duy tu Tài sản phục vụ chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		144.445.485	
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		165.834.212	
12	Mua sắm TS vô hình (Phần mềm)		39.965.800	
13	Chi khác (Tiếp khách, phí lệ phí)		32.400.000	
14	Chi trợ cấp tết NĐ		34.000.000	
	Nguồn KP không tự chủ 12,15	1.634.331.500	1.632.191.500	2.140.000
1	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	608.160.000	607.520.000	640.000
2	Nấu ăn Mầm non	108.000.000	108.000.000	0
	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ NĐ 81/2021/NĐ-CP	585.000.000	584.400.000	600.000
	Cấp bù miễn giảm học phí (Mầm non, THCS) theo NĐ NĐ	89.107.500	89.107.500	

	81/2021/ND-CP			
	Phần mềm	10.000.000	10.000.000	
	Hỗ trợ chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng việt	88.200.000	87.300.000	900.000
3	Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	108.000.000	108.000.000	0
4	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	37.864.000	37.864.000	0
	Nguồn KP không tự chủ 18	107.153.000	107.153.000	0
	Thường thường xuyên	107.153.000	107.153.000	0

2. Công khai các khoản thu năm học 2024 – 2025 và dự kiến năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024 - 2025		0	
II	Năm học 2025 - 2026		0	

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học năm 2024

(Bao gồm học kỳ II năm học 2023 -2024 và HK 1 năm học 2024 – 2025)

ĐVT: Đồng

Nội dung	Số HS	Số tiền	Ghi chú
1. HS hưởng chế độ CPHT theo ND 81/2021		584.400.000	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024	436	326.400.000	
- Học kỳ I năm học 2024 - 2025	430	258.000.000	
2. HS hưởng chế độ cấp bù học phí		89.107.500	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024	431	50.987.500	
- Học kỳ I năm học 2024 - 2025	422	38.120.000	
3. Chế độ HS khuyết tật năm		37.864.000	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024		15.400.000	
+ Học bổng	2	15.400.000	
+ Mua đồ dùng phương tiện	0	15.400.000	
- Học kỳ I năm học 2024 - 2025		22.464.000	
+ Học bổng	3	22.464.000	

4. Chế độ HS dân tộc rất ít người (được 12 tháng)	16	108.000.000	
5. Chế độ HS trẻ ăn trưa theo ND 105		802.820.000	
- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	425 và 419	607.520.000	
- Hỗ trợ chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng việt	25 và 20	87.300.000	
- KP phục vụ nấu ăn	5 định mức	108.000.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, kho bạc tại hết năm tài chính 2024

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	0	
2	Số dư tiền TK tại kho bạc	7.187.477	
3	Số dư TK tiền gửi tại ngân hàng		

5. Công tác huy động, vận động tài trợ

Làm tốt công tác tuyên truyền vận động các tập thể, cá nhân tổ chức, đặc biệt là sự quan tâm của các bậc cha mẹ học sinh .

Huy động các nguồn tài trợ, các nhà hảo tâm tài trợ, áo ấm, dép, cặp lồng, bình ủ, chăn ấm, sữa, bánh, cho các cháu; Các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, phụ huynh tham gia đóng góp ngày công lao động tu sửa khuôn viên trường lớp học từ trung tâm tới điểm bản.

Năm học 2025 - 2026 huy động sự đóng góp ngày công: cơ sở vật chất lớp học, đồ dùng, đồ chơi, hiện vật của tổ chức cá nhân, phụ huynh, nhân dân trên địa bàn xã.

+ Nhà từ thiện Quỹ từ thiện Làng Ta. Với 03 tét nước dung tích 2000 khối/tét có giá trị tổng 12.000.000 triệu ngày 29 tháng 12 năm 2025

+ Nhà từ thiện, thiện nguyện: tặng áo ấm cho các cháu là 478 có giá trị 47.000.000 triệu ngày 13 tháng 11 năm 2025

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn,

hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường thực hiện tốt việc sử dụng hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu, thường xuyên truy cập và sử dụng có hiệu quả phần mềm dữ liệu.

Nhà trường đã tổ chức cho CBGV-CNV thực hiện tập huấn chuyên môn thông qua hệ thống mạng trực tuyến cơ bản đáp ứng được yêu cầu học tập tại nhà trường.

Việc thực hiện chuyển đổi số được nhà trường thực hiện nghiêm túc giúp tiết kiệm được thời gian, kinh phí và làm việc một cách linh hoạt, chủ động hơn.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và công tác dạy học: Nhà trường đang sử dụng: Phần mềm kế toán, phần mềm phổ cập để theo dõi và cập nhập các thông tin về công tác giáo dục và chăm sóc trẻ; có trang web theo địa chỉ <https://mntenh.phong.tuangiao.edu.vn>, thực hiện thúc đẩy chuyển đổi số. Thường xuyên cập nhật thông tin và truyền tải các hoạt động của nhà trường và là nơi để GV trong trường và các trường bạn cùng nhau học tập, trao đổi kinh nghiệm. Nhiều giáo viên đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bước đầu đã mang lại một số kết quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Số cán bộ quản lý, giáo viên soạn bài trên máy vi tính: 38/38 đ/c đạt 100%.

Số VCQL, GV, NV biết soạn, dạy giáo án trình chiếu: 38/38 đạt 100%.

CBGVNV khai thác, sử dụng tốt Website của ngành, hồ sơ công việc, sử dụng phần mềm kiểm định chất lượng, phần mềm thống kê smart, phần mềm PC.

Kết quả xác thực định danh điện tử của viên chức, giáo viên, NV: tổng số giáo viên 38/38, tổng số học sinh xác thực là 481/481.

- Việc xây dựng, sử dụng kho tư liệu, bài giảng điện tử, bài trình chiếu của ngành. Việc tổ chức diễn đàn trên mạng về kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học ở trường phổ thông. Ứng dụng số điện tử, học bạ điện tử trong nhà trường: Ngay từ đầu năm học nhà trường tổ chức cho giáo viên đăng kí dạy UDCNTT trong giảng dạy, tính đến thời điểm hiện tại tại nhà trường có tổng số: 250 tiết

Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Giáo viên ít có thời gian nghiên cứu các bài giảng, giáo án điện tử.